

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/DSST

Ngày 18/5/2026

V/v: Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn La

Bà Ngô Thị Mai

- *Thư ký Tòa án:* Ông Hà Quý Đôn - Thư ký TAND khu vực 4-Bắc Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh tham gia phiên tòa:*
Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2025/DS-ST ngày 31/12/2025 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 85/2026/QĐXXST-DS ngày 13/4/2026, quyết định hoãn phiên tòa số 106/2026/QĐST-DS ngày 29/4/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Hoàng Văn D**, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh.**

Đại diện ủy quyền: Anh **Lê Văn S**, sinh năm 1982, địa chỉ: **TDP A P, phường B, tỉnh Bắc Ninh** (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đình M**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn G, xã T, tỉnh Bắc Ninh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh **Hoàng Văn D** trình bày:**

Tôi với anh **Nguyễn Đình M** là quan hệ quen biết, ngày 22/07/2022, tôi có cho anh **M** vay 850.000.000 đồng (**T** trăm năm mươi triệu đồng), khi vay có giấy

biên nhận tiền đầy đủ, không hạn thời gian thanh toán, khi nào cần thì tôi sẽ báo trước cho anh **M**. Khi có nhu cầu lấy lại tiền, tôi đã nhiều lần liên hệ để đòi tiền, ngày 14/4/2023, anh **M** đã trả tôi được 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc. Ngày 14/7/2025, anh **M** có viết giấy hẹn cam kết đến ngày 28/10/2025 sẽ trả hết số tiền nợ còn lại cho tôi.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn hẹn trả mà anh **M** vẫn không trả nợ cho tôi. Vì vậy nay tôi khởi kiện đề nghị Toà án buộc anh **M** phải hoàn trả số tiền gốc là 800.000.000 đồng (**T** trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm, tạm tính từ ngày 22/07/2024 đến ngày 10/04/2026 là 137.000.000 đồng, tổng cả nợ gốc và lãi tạm tính là 937.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Số tiền tôi cho anh **Nguyễn Đình M** vay trên là khoản cho vay cá nhân của tôi, vợ tôi không hề biết và không liên quan đến tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng tôi.

Tại phiên tòa hôm nay anh **D** vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng. Về yêu cầu trả lãi, anh **D** thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị tính lãi từ ngày 29/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/5/2026, mức lãi suất 10%/năm, trên nợ gốc 800.000.000 là: 44.222.222 đồng.

** Bị đơn anh **Nguyễn Đình M** trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án trình bày:* Anh **M** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật đối với anh **M**.

** Tại bản tự khai gửi Tòa án, chị **Nguyễn Thị M1** (vợ anh **Hoàng Văn D**) trình bày:*

Chồng tôi với anh **Nguyễn Đình M** là quan hệ quen biết, ngày 22/07/2022, chồng tôi có cho anh **M** vay 850.000.000 đồng (**T** trăm năm mươi triệu đồng), khi vay có giấy biên nhận tiền đầy đủ, không hạn thời gian thanh toán, khi nào cần thì chồng tôi sẽ báo trước cho anh **M**. Khi có nhu cầu lấy lại tiền, chồng tôi đã nhiều lần liên hệ để đòi tiền, ngày 14/4/2023, anh **M** đã trả được 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc. Ngày 14/7/2025, anh **M** có viết giấy hẹn cam kết đến ngày 28/10/2025 sẽ trả hết số tiền nợ còn lại cho chồng tôi.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn hẹn trả mà anh **M** vẫn không trả nợ cho chồng tôi. Vì vậy nay chồng tôi khởi kiện đề nghị Toà án buộc anh **M** phải hoàn trả cho chồng tôi số tiền gốc là 800.000.000 đồng (**T** trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh thì tôi thống nhất ý kiến của chồng tôi.

Khoản nợ trên mà chồng tôi cho anh **Nguyễn Đình M** vay là khoản tiền cho vay cá nhân của chồng tôi, tôi không hề biết và không liên quan đến tài sản

chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng tôi. Vì vậy, tôi đề nghị Toà án không đưa tôi vào tham gia quá trình tố tụng của vụ án trên.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh **Hoàng Văn D** trình bày: Anh vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án. Đến nay anh đề nghị Tòa án tuyên buộc anh **M** trả số nợ gốc là 800.000.000 đồng. Về tiền lãi phát sinh, anh thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị tính lãi từ ngày 29/10/2025 đến ngày 18/5/2026 với mức lãi suất 10%/năm là: 44.222.222 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu anh **M** phải trả là: 844.222.222 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Hoàng Văn D**: Buộc anh **Nguyễn Đình M** có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng, lãi phát sinh tính từ ngày 29/10/2025 đến ngày 18/5/2026 với mức lãi suất 10%/năm là: 44.222.222 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu anh **M** phải trả là: 844.222.222 đồng.

2. Về án phí: Anh **M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.326.666 đồng (*Ba mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

3. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo của đương sự và việc thi hành bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Anh **Hoàng Văn D** đề nghị Tòa án giải quyết tuyên buộc anh **Nguyễn Đình M** trả số tiền còn nợ và lãi phát sinh theo Giấy vay tiền đề ngày 22/7/2022 và Giấy hẹn đề ngày 14/7/2025. Do đó, xác định quan hệ

pháp luật là tranh chấp kiện đòi tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh **Nguyễn Đình M** là bị đơn có địa chỉ cư trú tại **xã T, tỉnh Bắc Ninh**. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **Nguyễn Đình M** theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, anh **Nguyễn Đình M** vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh **Hoàng Văn D** và anh **Nguyễn Đình M** có mối quan hệ quen biết. Ngày 22/7/2022, anh **D** cho anh **M** vay số tiền 850.000.000 đồng. Khi vay hai bên có lập giấy biên nhận, không hẹn thời gian thanh toán, khi nào cần thì báo trước. **Anh D1** đã đòi nhiều lần, đến ngày 14/4/2023 anh **M** trả cho anh **D1** số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng. Ngày 14/7/2025 anh **D1** viết Giấy hẹn cam kết đến ngày 28/10/2025 sẽ trả hết nợ. Nhưng đến hạn trả nợ anh **M** không trả tiền cho anh **D1**. Nay anh **D1** làm đơn yêu cầu Tòa án buộc anh **M** phải trả cho anh **D1** số tiền 800.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm từ ngày 29/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/5/2026 số tiền lãi là 44.222.222 đồng.

Căn cứ giấy vay tiền ngày 22/7/2022 với nội dung ông **Nguyễn Đình M** vay của ông **Hoàng Văn D** số tiền 850.000.000 đồng không quy định về lãi suất và thời hạn trả; quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản ngày 11/4/2023 anh **M** đã trả cho anh **D** số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng. Đến ngày 14/7/2025, anh **M** đã viết giấy hẹn anh **D** đến ngày 28/10/2025 sẽ trả hết nợ nhưng đến hạn anh **M** không trả nợ cho anh **D**. Xét thấy: Việc anh **M** mượn tiền của anh **D** là có thật. Mặc dù trong giấy vay tiền không xác định thời hạn nhưng sau đó, tại Giấy hẹn đề ngày 14/7/2025 anh **M** đã cam kết trả nợ vào ngày 28/10/2025 nhưng đến hạn đã không trả được nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh **M** đến tòa để làm việc nhưng anh **M** không đến. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh **M** vẫn vắng mặt. Do đó, xác định anh **M** đã từ bỏ quyền được trình bày, cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những nhận định, đánh giá nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **D**, buộc anh **M** trả số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng.

[2.2] Xét về yêu cầu khởi kiện buộc anh **M** phải trả tiền lãi phát sinh: Tại giấy vay tiền ngày 22/7/2022 và giấy hẹn ngày 14/7/2025 không thỏa thuận rõ về lãi suất và có xác định thời hạn trả nợ là ngày 28/10/2025. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh **D** có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **M** phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 29/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/5/2026 với mức lãi suất 10%/năm.

Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; anh **M** phải chịu lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 29/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/5/2026 là . Tính đến ngày xét xử là ngày 18/5/2026 là 6 tháng 19 ngày: 44.222.222 đồng. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **D** về phần lãi suất. Buộc anh **M** trả cho anh **D** 44.222.222 đồng tiền lãi.

Tổng số tiền buộc anh **M** phải trả anh **D** là: 800.000.000 đồng + 44.222.222 đồng = 844.222.222 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, yêu cầu khởi kiện của anh **D** được chấp nhận, do đó anh **M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.326.666 đồng (*Ba mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*). Hoàn trả anh **D** số tiền 19.693.000 đồng (*Mười chín triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004912 ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 27, 273 BLTTDS các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Hoàng Văn D**: Buộc anh **Nguyễn Đình M** phải trả anh **Hoàng Văn D** số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi là 44.222.222 đồng. Tổng số tiền anh **Nguyễn Đình M** phải trả anh **Hoàng Văn D** là 844.222.222 đồng (*T* trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng).

2. Về án phí: Anh **Nguyễn Đình M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.326.666 đồng (*Ba* mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Hoàn trả anh **D** số tiền 19.693.000 đồng (*Mười chín triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004912 ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Anh **Hoàng Văn D** (do anh **Lê Văn S** đại diện theo ủy quyền) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Nguyễn Đình M** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn La

Ngô Thị Mai

Giáp Thị Loan

- Nơi nhận:***
- VKSND khu vực 4-Bắc Ninh;
 - THADS tỉnh Bắc Ninh;
 - TAND tỉnh Bắc Ninh;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Chung

Nguyễn Thị Yên

Giáp Thị Loan

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Chung

Nguyễn Thị Yên

Giáp Thị Loan

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Chung

Nguyễn Thị Yên

Giáp Thị Loan

